TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 34/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 27-8-2026
"Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9, TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hòa và ông Đặng Quốc Khánh
Thư ký phiên toà: Ông Phạm Văn Thể - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 9 - tỉnh Lâm Đồng.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Lâm Đồng tham gia phiên toà: Ông Hoàng Xuân Dương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21, 27 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 9 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 114/2026/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 5 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Lâm Đồng giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đinh Thị T, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn Bình M, xã Đăk W, tỉnh Lâm Đ (Nay là Thôn 7, xã Đăk W, tỉnh Lâm Đ)

- Bị đơn: Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn Bình M, xã Đăk W, tỉnh Lâm Đ (Nay là Thôn 7, xã Đăk W, tỉnh Lâm Đ)

(*Bà T và ông T có mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/4/2026, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn bà Đinh Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T tự nguyện đến với nhau năm 1998, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông (Nay là xã Đăk Wil, tỉnh Lâm Đồng) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2001.

Trong thời gian đầu của hôn nhân, vợ chồng chung sống hòa thuận. Tuy nhiên kể từ những năm gần đây, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh ngày càng nhiều do bất đồng quan điểm sống, cách ứng xử và lối suy nghĩ. Dù hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên ngăn, động viên, nhưng cả hai không có sự thay đổi tích cực. Nay nhận thấy

tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống

Về con chung: Trong quá trình sống chung vợ chồng có 03 người con chung là Hoàng Thanh T, sinh ngày 03/02/2005, Hoàng Thị Bích T, sinh ngày 25/03/2009 và Hoàng Thị Mai P, sinh ngày 05/03/2011.

Khi ly hôn vì cháu Hoàng Thanh T đã trưởng thành và phát triển bình thường nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà yêu cầu nuôi cháu Hoàng Thị M Phương, để cháu Hoàng Thị Bích T cho ông T nuôi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Hoàng Văn Thổ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà T tự nguyện đến với nhau năm 1998, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông (Nay là xã Đăk Wil, tỉnh Lâm Đồng) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2001.

Mâu thuẫn vợ chồng tất cả đều xuất phát từ bà T, bà T đi làm ăn xa, còn ông phải ở nhà chăm các con, nên dẫn đến tình cảm vợ chồng bị sứt mẻ. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý vì vợ chồng không còn tình cảm.

Về con chung: Trong quá trình sống chung vợ chồng có 03 con chung là Hoàng Thanh T, sinh ngày 03/02/2005, Hoàng Thị Bích T, sinh ngày 25/03/2009 và Hoàng Thị Mai P, sinh ngày 05/03/2011.

Khi ly hôn vì cháu Hoàng Thanh T đã trưởng thành và phát triển bình thường nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông yêu cầu được nuôi 02 con chung Hoàng Thị Bích T và Hoàng Thị Mai P, yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung Hoàng Thị Mai P mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn bà Đinh Thị T:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T yêu cầu ly hôn với ông T; Về con chung: Vì con chung Hoàng Thanh T đã trưởng thành và phát triển bình thường nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà đồng ý để 02 con chung Hoàng Thị Bích T và Hoàng Thị Mai P cho ông T nuôi và cấp dưỡng nuôi con chung Hoàng Thị Mai P mỗi tháng 2.000.000 đồng; Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết

* Bị đơn ông Hoàng Văn T:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T đồng ý ly hôn với bà T; Về con chung: Vì con chung Hoàng Thanh T đã trưởng thành và phát triển bình thường nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông yêu cầu được nuôi 02 con chung Hoàng Thị Bích Thương và Hoàng Thị Mai P, yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung Hoàng Thị Mai P một lần 72.000.000 đồng; Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Lâm Đồng có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và nội dung vụ án:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thị T được ly hôn với ông Hoàng Văn T. Về con chung: Giao 02 con chung Hoàng Thị Bích T, sinh ngày 25/03/2009 và Hoàng Thị Mai P, sinh ngày 05/03/2011 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, bà T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Hoàng Thị Mai P mỗi tháng 2.000.000 đồng. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Đương sự chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Về quan hệ pháp luật: Ngày 09/4/2026 bà Đinh Thị T nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 9 - Lâm Đồng giải quyết việc ly hôn và nuôi con với ông Hoàng Văn T do đó quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Hoàng Văn T có nơi cư trú tại Thôn Bình M, xã Đăk W, tỉnh Lâm Đ (Nay là Thôn 7, xã Đăk W, tỉnh Lâm Đ) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Lâm Đồng theo quy định tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 06, quyển số 02 ngày 21/5/2001 của UBND xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông (Nay là UBND xã Đăk Wil, tỉnh Lâm Đồng) thì bà Đinh Thị T và ông Hoàng Văn T là quan hệ hôn nhân hợp pháp và thuộc phạm vi điều chỉnh của luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về mâu thuẫn gia đình: Theo bà T trình bày thời gian đầu của hôn nhân, vợ chồng chung sống hòa thuận, tuy nhiên kể từ những năm gần đây, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh ngày càng nhiều do bất đồng quan điểm sống, cách ứng xử và lối suy nghĩ, dù hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên ngăn, động viên, nhưng cả hai không có sự thay đổi tích cực. Về phía ông T quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày 27/8/2026 ông T cũng đồng ý ly hôn với bà T vì bà T đã có người đàn ông khác nên ông không thể chấp nhận được. Xét thấy việc thỏa thuận thuận tình ly hôn của ông T và bà T là hoàn toàn tự nguyện và cũng phù hợp với quy định của pháp luật nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông T và bà T.

Về con chung: Trong quá trình sống chung ông T và bà T có 03 con chung là Hoàng Thanh T, sinh ngày 03/02/2005, Hoàng Thị Bích T, sinh ngày 25/03/2009 và Hoàng Thị Mai P, sinh ngày 05/03/2011

HĐXX xét thấy:

Đối với con chung Hoàng Thanh T, sinh ngày 03/02/2005 hiện nay đã trưởng thành và phát triển bình thường nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Đối với con chung Hoàng Thị Bích T, sinh ngày 25/03/2009 và Hoàng Thị Mai P, sinh ngày 05/03/2011. Tại các bản tự khai ngày 12/6/2026 (BL30, BL31) trẻ T mong muốn được ở với bố, còn trẻ P mong muốn được ở với mẹ, tuy nhiên tại phiên tòa ngày 21 và 27/8/2026 trẻ P thay đổi lời khai cũng mong muốn được ở với bố khi bố mẹ ly hôn và Tại phiên tòa ngày 27/8/2026 bà T có ý kiến theo nguyện vọng của các con, nay 02 con đều có mong muốn được ở với bố nên bà đồng ý để 02 con P và T cho ông T nuôi. Do đó, để tạo điều kiện cho sự phát triển của trẻ nên giao hai trẻ Hoàng Thị Bích T, sinh ngày 25/03/2009 và Hoàng Thị Mai P, sinh ngày 05/03/2011 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng khi vợ chồng ly hôn là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T yêu cầu bà Thao cấp dưỡng nuôi con Hoàng Thị Mai P một lần 72.000.000 (*Bảy mươi hai triệu*) đồng.

- Căn cứ khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 107, Điều 110 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; Nghĩa vụ cấp dưỡng được được thực hiện giữa cha, mẹ và con; Nghĩa vụ cấp dưỡng không thể thay thế bằng nghĩa vụ khác và không thể chuyển giao cho người khác; Cha mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên trong trường hợp không sống chung với con*" do đó bà T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phương là phù hợp.

- Về phương thức cấp dưỡng ông T yêu cầu cấp dưỡng một lần tuy nhiên bà T cung cấp hiện nay bà đang làm cho Công ty nhựa Hoa Sen tại Bình Dương, thu nhập một tháng trung bình 10 triệu đồng, chi phí sinh hoạt hết từ 6 đến 7 triệu đồng, còn lại khoảng 3 triệu đồng để chu cấp cho con do đó căn cứ Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 HĐXX xét thấy bà Thao cấp dưỡng định kỳ hàng tháng là phù hợp.

- Về mức cấp dưỡng theo quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: "*Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết*" Và căn cứ khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình quy định như sau: "*Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con*". Theo công văn số 3541/SNV-LĐVL&TN ngày 12/12/2025 của Sở Nội Vụ tỉnh Lâm Đồng về việc triển khai thực hiện mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động áp dụng từ ngày 01/01/2026, thì xã Đăk

Wil thuộc vùng IV mức lương tối thiểu 3.700.000 đồng/tháng. Do đó, HĐXX buộc bà T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu P mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Thao không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Lâm Đồng về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và phát biểu quan điểm về đường lối xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Đinh Thị T và ông Hoàng Văn T

[2] Về con chung:

Vì con chung Hoàng Thanh T, sinh ngày 03/02/2005, hiện nay đã trưởng thành và phát triển bình thường nên HĐXX không xem xét giải quyết

Giao 02 trẻ Hoàng Thị Bích T, sinh ngày 25/03/2009 và Hoàng Thị Mai P, sinh ngày 05/03/2011 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Hoàng Thị Mai P, sinh ngày 05/03/2011 mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành chưa thi hành án thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Bà T có quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí:

- Bà Đinh Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009020 ngày 15/05/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Bà T còn phải nộp thêm 300.000 (*Ba trăm nghìn)* đồng án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà T và ông T có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án,

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 2, 36, 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *Tòa án nhân tỉnh Lâm Đồng;*
- *VKSND khu vực 9*;
- *UBND xã Đăk Wil;*
- *Phòng THADS khu vực 9*;
- *Lưu VP, hồ sơ .*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh